

**BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN**  
**(Từ ngày 15 đến 21/9/2026)**

**1.1. Lưu vực sông Hồng**

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| - Tổng lượng mưa: Phổ biến 100-250mm, có nơi trên 360mm như trạm: Văn Lý (Ninh Bình) 369.4mm,...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| - Tổng lượng dòng chảy:<br>+ Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái giảm so với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 74%.<br>+ Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang thấp hơn so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ 86%.<br>+ Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy ở mức thấp hơn TBNN 56%.<br>+ Trên sông Hồng: dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội chịu ảnh hưởng điều tiết hồ chứa thượng lưu và thủy triều. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tuần qua thấp hơn TBNN cùng kỳ 43%.                   |
| <i>b. Dự báo, cảnh báo</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| - Tổng lượng mưa: Phổ biến 70-220mm, có nơi trên 320mm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| - Tổng lượng dòng chảy:<br>+ Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái dự báo tăng so với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 53%.<br>+ Trên sông Lô: Dòng chảy tại trạm Tuyên Quang sẽ cao hơn với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ 81%.<br>+ Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế tăng so với 7 ngày trước, tổng lượng dòng chảy ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 16%.<br>+ Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng điều tiết hồ chứa thượng lưu và thủy triều. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 28%. |

**1.2. Lưu vực sông Thái Bình**

|                                                 |
|-------------------------------------------------|
| <i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i> |
|-------------------------------------------------|

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Tổng lượng mưa: Phổ biến 50-150mm, có nơi trên 180mm như trạm: Bắc Ninh 191.3mm, Hải Dương (Tp. Hải Phòng) 190.6 mm,...                                                                                                                                                                                           |
| - Tổng lượng dòng chảy:<br>+ Trên sông Cầu: Lưu lượng dòng chảy biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy thấp hơn so với tuần trước và thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 16%.<br>+ Trên sông Lục Nam: Lưu lượng dòng chảy biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 63%. |
| <i>b. Dự báo, cảnh báo</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| - Tổng lượng mưa: phổ biến 50-150mm, có nơi trên 220mm                                                                                                                                                                                                                                                              |
| - Tổng lượng dòng chảy:<br>+ Trên sông Cầu: dòng chảy tại trạm Gia Bảy có dao động; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy cao hơn so với TBNN cùng kỳ 36%.<br>+ Trên sông Lục Nam: dòng chảy biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ dự báo thấp hơn TBNN cùng kỳ 54%.                                     |

### 1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| - Tổng lượng mưa: phổ biến 100-400mm, cục bộ có nơi trên 500mm như trạm: Kỳ Anh (Hà Tĩnh) 468.5mm, A Lưới (Tp. Huế) 765.8mm,...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| - Tổng lượng dòng chảy:<br>+ Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An giảm so với tuần trước; các sông ở Hà Tĩnh tăng hơn. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy thấp hơn TBNN cùng kỳ 22%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn 63%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt cao hơn 70%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm cao hơn 15%.<br>+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động và tăng cao so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 145%. |
| <i>b. Dự báo, cảnh báo</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| - Tổng lượng mưa: phổ biến 70-180mm, cục bộ có nơi trên 250mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| - Tổng lượng dòng chảy:<br>+ Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong những ngày tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An tăng hơn so với tuần trước; các                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

sông ở Hà Tĩnh giảm hơn. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn 55%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn 34%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn 52%.

+ *Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế*: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ 103%.

#### 1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

##### a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến 80-200mm, cục bộ có nơi trên 200mm như trạm: Trà My (Quảng Nam) 319.6 mm, ...

- Tổng lượng dòng chảy:

+ *Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi*: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động và tăng cao so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 55%; sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang ở mức cao hơn 22%.

+ *Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng*: Trong tuần, dòng chảy trên các sông phổ biến ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy so với TBNN trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn TBNN cùng kỳ 59%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn cao hơn 59%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng thấp hơn 40%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy thấp hơn 33% , sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 33%.

##### b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 30-70mm, có nơi trên 100mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ *Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi*: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ; sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang ở mức thấp hơn 7%.

+ *Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng*: Trong tuần tới mực nước trên các sông có khả năng xuất hiện dao động và lũ nhỏ, lưu lượng dòng chảy trên các sông sẽ tăng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn cao hơn so với TBNN cùng kỳ 32%, sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng thấp hơn 36%.

### 1.5. Lưu vực sông Mê Công

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| - Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 80-200mm, có nơi trên 200mm như: Buôn Hồ (Đắk Lắk) 235.8mm, ....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| - Tổng lượng dòng chảy:<br>+ <i>Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk</i> : Trong tuần, lưu lượng dòng chảy đến sông Đắkbla biến đổi ở mức tương đương so với tuần trước, sông Krông Ana biến đổi theo xu thế tăng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đắkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 80%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn ở mức xấp xỉ TBNN.<br>+ <i>Trên lưu vực sông Cửu Long</i> : Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long đang tăng dần.                                                                                        |
| <i>b. Dự báo, cảnh báo</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| - Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 40-80mm, có nơi trên 100mm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| - Tổng lượng dòng chảy:<br>+ <i>Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk</i> : Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy đến sông Đắkbla và sông Krông Ana biến đổi ở mức tương đương so với tuần vừa qua; Tổng lượng dòng chảy trên sông Đắkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 82%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 10%.<br>+ <i>Trên lưu vực sông Cửu Long</i> : Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long có xu thế giảm dần; trên sông Tiền tại trạm Tân Châu cao hơn TBNN cùng kỳ 23%, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc thấp hơn 14%. |

**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 22/09/2026**

**Tin phát lúc: 15h00**

**Người chịu trách nhiệm  
ban hành bản tin**



**Phùng Tiến Dũng**

**Phụ lục**  
**Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm**  
*Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 15 đến ngày 21/09/2026*

*Đơn vị: mm*

| Khu vực                                 | Trạm        | Thực đo 7 ngày | So sánh TBNN (%) | Dự báo |        |        |        |        |        |        |       |                  |
|-----------------------------------------|-------------|----------------|------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|-------|------------------|
|                                         |             |                |                  | Ngày 1 | Ngày 2 | Ngày 3 | Ngày 4 | Ngày 5 | Ngày 6 | Ngày 7 | Tổng  | So sánh TBNN (%) |
| Lưu vực sông Hồng                       | Tam Đường   | 11.8           | <73              | 0.7    | 12.2   | 28.6   | 12.7   | 1.3    | 3.2    | 0.7    | 59.4  | >49              |
|                                         | Sơn La      | 1.8            | <94              | 20.1   | 5.8    | 5.1    | 4.8    | 0.7    | 1      | 0.1    | 37.6  | >48              |
|                                         | Hòa Bình    | 225.8          | >183             | 121.2  | 26.8   | 10.5   | 5.5    | 1.9    | 1.2    | 0      | 167.1 | >163             |
|                                         | Lào Cai     | 70.8           | >17              | 4.7    | 3.3    | 4.8    | 5.2    | 0.2    | 0.1    | 0      | 18.3  | <62              |
|                                         | Yên Bái     | 69.4           | >4               | 67.5   | 52.4   | 17.1   | 13.3   | 2.2    | 0.4    | 0      | 152.9 | >192             |
|                                         | Tuyên Quang | 98.5           | >138             | 49.1   | 27.8   | 16     | 2.6    | 1.9    | 0.8    | 0      | 98.2  | >152             |
|                                         | Hà Giang    | 65.3           | >15              | 25     | 26.2   | 37.6   | 6.2    | 0.5    | 0      | 0      | 95.5  | >157             |
|                                         | Láng        | 189.6          | >276             | 51.7   | 65.1   | 18.5   | 2      | 1.9    | 0.5    | 0      | 139.7 | >202             |
|                                         | Thái Bình   | 132.8          | >28              | 87.2   | 41.6   | 8.6    | 7.3    | 24.6   | 0.5    | 0      | 169.8 | >136             |
|                                         | Nam Định    | 144.8          | >60              | 68.3   | 58.6   | 20.8   | 15.4   | 21     | 1.4    | 0      | 185.5 | >137             |
| Lưu vực sông Thái Bình                  | Bắc Kạn     | 43.6           | >24              | 51.6   | 31.5   | 24.8   | 14.7   | 3.5    | 0.4    | 0      | 126.5 | >332             |
|                                         | Thái Nguyên | 46.1           | <19              | 35.4   | 55.2   | 15.9   | 3.8    | 0.8    | 0.5    | 0      | 111.6 | >201             |
|                                         | Bắc Ninh    | 191.3          | >271             | 43.1   | 35.1   | 13.7   | 1.9    | 1.1    | 0.2    | 0      | 95.1  | >78              |
|                                         | Lạng Sơn    | 22.4           | <30              | 14.5   | 8.3    | 4.7    | 2.5    | 1.5    | 0      | 0      | 31.5  | <0               |
|                                         | Bắc Giang   | 61.8           | >31              | 37.3   | 18.4   | 11.4   | 2.6    | 0.5    | 0.2    | 0      | 70.4  | >100             |
|                                         | Hải Dương   | 190.6          | >296             | 47.7   | 31.1   | 8.7    | 1.5    | 4      | 0.1    | 0      | 93.1  | >107             |
| Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ | Hồi Xuân    | 104.7          | >43              | 54.6   | 7.7    | 8.3    | 16.9   | 24.8   | 3.5    | 0.4    | 116.2 | >62              |
|                                         | Bái Thượng  | 175.7          | >61              | 84.9   | 48.4   | 18.2   | 13.2   | 17.9   | 1.3    | 0.2    | 184.1 | >128             |
|                                         | Thanh Hóa   | 174.6          | >53              | 57.8   | 29.9   | 32     | 18.6   | 25.6   | 1.9    | 0.8    | 166.6 | >90              |
|                                         | Quỳ Châu    | 197.3          | >84              | 21.8   | 12.3   | 27.7   | 16.8   | 26.4   | 3.5    | 4.2    | 112.7 | >69              |
|                                         | Tương Dương | 90             | >13              | 16.8   | 21.9   | 16.3   | 11.1   | 13     | 1.9    | 2.1    | 83.1  | >39              |
|                                         | Đô Lương    | 140.4          | >21              | 25.8   | 19.3   | 12.5   | 25.8   | 22     | 4.1    | 4.8    | 114.3 | >5               |

| Khu vực                                  | Trạm          | Thực<br>do 7<br>ngày | So sánh<br>TBNN<br>(%) | Dự báo |        |        |        |        |        |        |       |                     |
|------------------------------------------|---------------|----------------------|------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|-------|---------------------|
|                                          |               |                      |                        | Ngày 1 | Ngày 2 | Ngày 3 | Ngày 4 | Ngày 5 | Ngày 6 | Ngày 7 | Tổng  | So sánh<br>TBNN (%) |
|                                          | Vinh          | 210.4                | >83                    | 14.7   | 15.4   | 21.7   | 29.7   | 21.1   | 3.7    | 3.4    | 109.7 | >3                  |
|                                          | Hương Sơn     | 174.6                | >118                   | 26.4   | 15.8   | 23.5   | 21.7   | 19.6   | 6.1    | 1.2    | 114.3 | <19                 |
|                                          | Hương Khê     | 335.9                | >193                   | 26.5   | 12.7   | 9.9    | 17.9   | 15.3   | 5.4    | 3.6    | 91.3  | <39                 |
|                                          | Hà Tĩnh       | 346.9                | >152                   | 30.3   | 13.1   | 16     | 22.5   | 15.8   | 4.7    | 2.7    | 105.1 | <25                 |
|                                          | Đồng Hới      | 253.8                | >123                   | 43.4   | 8.6    | 8.4    | 18.5   | 14.8   | 8.1    | 2      | 103.8 | <18                 |
|                                          | Quảng Trị     | 260.4                | >227                   | 19.3   | 12     | 6.9    | 15.2   | 9.3    | 6.7    | 3.7    | 73.1  | <24                 |
|                                          | Nam Đông      | 508.3                | >326                   | 9.6    | 9.3    | 10.7   | 10.1   | 21.1   | 8.3    | 7.7    | 76.8  | <9                  |
|                                          | Huế           | 325.1                | >275                   | 17.7   | 16.4   | 13.4   | 11.3   | 7      | 8.5    | 10.5   | 84.8  | <14                 |
| Lưu vực thuộc<br>khu vực Nam<br>Trung Bộ | Đà Nẵng       | 434.3                | >368                   | 1.7    | 6.9    | 4.2    | 10.8   | 12.7   | 13.1   | 10.6   | 60    | <37                 |
|                                          | Trà My        | 319.6                | >162                   | 12.7   | 14.8   | 5.8    | 12.3   | 15     | 7.9    | 9.9    | 78.4  | >1                  |
|                                          | Ba Tơ         | 126.3                | >33                    | 15     | 11.4   | 7.6    | 11.3   | 21.4   | 15.1   | 6.2    | 88    | >17                 |
|                                          | Quảng Ngãi    | 118.4                | >44                    | 4.5    | 10.6   | 5.8    | 8      | 15.2   | 6.7    | 6.1    | 56.9  | <18                 |
|                                          | Quy Nhơn      | 186.4                | >225                   | 5.8    | 8.9    | 6.6    | 10.8   | 15.1   | 17.4   | 4.6    | 69.2  | <2                  |
|                                          | An Khê        | 60.4                 | <12                    | 7      | 9.7    | 10.1   | 8.1    | 8.5    | 8.7    | 5.5    | 57.6  | >46                 |
|                                          | Tuy Hòa       | 129.2                | >114                   | 8.4    | 9.7    | 11.1   | 11.8   | 7.6    | 11.8   | 9.5    | 69.9  | <3                  |
|                                          | Nha Trang     | 84.8                 | >114                   | 2      | 10.8   | 22     | 9.6    | 11.9   | 17     | 19.3   | 92.6  | >101                |
| Lưu vực sông<br>Mê Công                  | Kon Tum       | 66.5                 | <11                    | 2.8    | 9.4    | 11.5   | 3.9    | 5.3    | 7.8    | 2.9    | 43.6  | <45                 |
|                                          | Lắk           | 132.1                | >51                    | 3.5    | 4.3    | 9.1    | 19     | 15.4   | 18.5   | 18.4   | 88.2  | >23                 |
|                                          | Buôn Mê Thuật | 105.8                | >19                    | 7.1    | 3.8    | 10.1   | 8.8    | 6.8    | 11.7   | 19.9   | 68.2  | <28                 |
|                                          | Biên Hòa      | 141.9                | >56                    | 4.4    | 5      | 18.7   | 11.9   | 8.6    | 15.6   | 10.5   | 74.7  | <10                 |
|                                          | Cần Thơ       | 101.2                | >75                    | 11.8   | 9.3    | 19.1   | 29.2   | 13.8   | 13.8   | 9.9    | 106.9 | >88                 |

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 15 đến ngày 21/9/2026

Đơn vị: triệu m<sup>3</sup>

| Sông     | Trạm        | Thực đo từ ngày 08/09 đến 14/09 | So sánh TBNN (%) | Dự báo |        |        |        |        |        |        |       |                  |
|----------|-------------|---------------------------------|------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|-------|------------------|
|          |             |                                 |                  | Ngày 1 | Ngày 2 | Ngày 3 | Ngày 4 | Ngày 5 | Ngày 6 | Ngày 7 | Tổng  | So sánh TBNN (%) |
| Thao     | Yên Bái     | 180                             | < 74             | 59     | 70     | 52     | 37     | 29     | 25.0   | 23     | 295   | < 53             |
| Lô       | Tuyên Quang | 111                             | < 86             | 16     | 14     | 20     | 18     | 14     | 13.0   | 22     | 116   | < 81             |
| Đà       | Hồ Hòa Bình | 653                             | < 56             | 225    | 190    | 173    | 156    | 130    | 112    | 112    | 1071  | < 16             |
| Hồng     | Hà Nội      | 1078                            | < 43             | 173    | 193    | 173    | 154    | 164    | 168    | 173    | 1199  | < 28             |
| Cầu      | Gia Bảy     | 62.3                            | < 16             | 7.17   | 10.5   | 35.9   | 13.9   | 7.7    | 6.6    | 6.0    | 87.9  | > 36             |
| Lục Nam  | Chũ         | 14.5                            | < 63             | 2.3    | 3.5    | 5.5    | 4.2    | 2.7    | 2.1    | 1.7    | 22.2  | < 54             |
| Mã       | Cầm Thủy    | 384.7                           | < 22             | 73.0   | 70.9   | 69.6   | 68.2   | 66.8   | 65.5   | 63.4   | 477.7 | ~ TBNN           |
| Cả       | Yên Thượng  | 254                             | < 63             | 52.7   | 51.2   | 50.2   | 49.2   | 48.2   | 47.3   | 45.8   | 344.7 | < 55             |
| La       | Hòa Duyệt   | 155.4                           | > 70             | 16.1   | 15.7   | 15.4   | 15.1   | 14.8   | 14.5   | 14.1   | 105.8 | < 34             |
| Tả Trách | Thượng Nhật | 24.3                            | > 145            | 3.7    | 3.5    | 3.3    | 2.8    | 2.9    | 3.0    | 2.8    | 22.0  | > 103            |
| Thu Bồn  | Nông Sơn    | 159.7                           | > 55             | 19     | 17.3   | 15.7   | 16     | 15.4   | 15.7   | 16.4   | 115.5 | ~ TBNN           |
| Trà Khúc | Sơn Giang   | 90.1                            | > 22             | 12.5   | 11.9   | 10.8   | 11.1   | 11.4   | 11.2   | 10.9   | 79.8  | < 7              |
| Ba       | Củng Sơn    | 300.6                           | > 59             | 38.8   | 39.7   | 39.7   | 38.8   | 38.0   | 36.3   | 34.5   | 266.1 | > 32             |
| Cái N,T  | Đồng Trăng  | 17.5                            | < 40             | 2.2    | 2.5    | 3.0    | 3.11   | 2.8    | 2.6    | 2.5    | 18.9  | < 36             |
| ĐăkBlá   | KonTum      | 18.6                            | < 80             | 2.4    | 2.4    | 2.6    | 2.7    | 2.8    | 2.7    | 2.6    | 18.4  | < 82             |
| Srêpôk   | Giang Sơn   | 66.6                            | ~ TBNN           | 10.8   | 10.1   | 9.5    | 8.8    | 8.2    | 8.4    | 8.5    | 64.4  | < 10             |
| Tiền     | Tân Châu    |                                 |                  | 2261   | 2235   | 2217   | 2200   | 2174   | 2140.0 | 2097   | 15322 | > 23             |
| Hậu      | Châu Đốc    |                                 |                  | 408    | 402    | 395    | 388    | 382    | 379.0  | 376    | 2732  | < 14             |